TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2026/DS-ST
Ngày 10-02-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2. Ông Trần Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1945. Địa chỉ: Khu V V, phường M, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lương Phước T1**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 17-5-2025, ông Huỳnh Văn T cho ông Lương Phước T1 mượn số tiền là 22.000.000 đồng, có viết biên nhận ngày 17/5 do ông Lương Phước T1 trực tiếp viết và ký tên. Thời gian mượn tiền hai bên thỏa thuận 01 tháng sau sẽ trả. Khi mượn tiền, ông T1 có gửi cho ông T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Lương Phước T1, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, biển số 83P2-432.59.

Sau đó khoảng 01 tháng, ông Lương Phước T1 trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền là 7.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng. Qua 01 ngày sau, ông T1 mượn ông T thêm 2.000.000 đồng nhưng không làm biên nhận.

Như vậy, tính đến hiện nay ông Lương Phước T1 còn nợ ông Huỳnh Văn T

số tiền 17.000.000 đồng. Tuy nhiên, thời gian đã lâu mà ông Lương Phước T1 không trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ. Ông T có nhiều lần yêu cầu ông T1 trả nợ nhưng ông T1 cứ hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện, không có thiện chí trả nợ cho ông T.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Lương Phước T1 phải trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ là 17.000.000 đồng.

Ý kiến của bị đơn ông Lương Phước T1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thành T2 nhưng ông Nguyễn Thành T2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn đang cư trú tại phường M, thành phố Cần Thơ, thực hiện nghĩa vụ trả tiền số tiền gốc còn nợ từ giao dịch vay tài sản. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lương Phước T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn xuất trình Biên nhận viết tay ngày 17/5, có nội dung thể hiện "Con tên: Lương Phước T1 có mượn Bác 8 22 triệu", ký và viết tên "Lương Phước T1". Từ khi Tòa án thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án tống đạt, thông báo hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, cũng không đưa ra phản đối hay có yêu cầu gì khác đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. HĐXX có cơ sở xác định bị đơn ông Lương Phước T1 có vay tiền của ông Huỳnh Văn T 22.000.000 đồng theo giấy mượn tiền nêu trên.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn T thừa nhận sau khi vay khoảng 01 tháng thì ông Lương Phước T1 đã gửi trả được số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại số tiền này là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

[5] Đối với số tiền nguyên đơn cho rằng sau khi trả số tiền 7.000.000 đồng được một ngày sau thì bị đơn mượn thêm 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên

đơn xác định số tiền vay này không có biên nhận hay giấy tờ gì chứng minh, cũng không có chứng cứ nào khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền này là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với việc bị đơn khi vay tiền có giao cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Lương Phước T1, thỏa thuận để thế chấp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, xét thấy: Mặc dù phía bị đơn không có yêu cầu trả lại, nhưng do yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã được HĐXX chấp nhận. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy do ông Lương Phước T1 đứng tên đối với xe gắn máy hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển kiểm soát 83P2-432.59.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để HĐXX chấp nhận một phần.

[8] Về án phí: Án phí sơ thẩm, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận nhưng do nguyên đơn là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên HĐXX chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lương Phước T1 trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn T số tiền vay còn nợ 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T về việc buộc bị đơn ông Lương Phước T1 trả số tiền nợ 2.000.000 đồng.

3. Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho bị đơn ông Lương Phước T1 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy do ông Lương Phước T1 đứng tên đối với xe gắn máy hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển kiểm soát 83P2-432.59.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T được miễn nộp án phí.

- Bị đơn ông Lương Phước T1 phải chịu án phí 300.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm